TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 13 - 6 - 2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HẻA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức
Các hội thẩm nhân dân
1. Ông Quách Hà Vính
2. Ông Hoàng Văn Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Húa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST- HNGĐ ngày 19/01/2017 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị C, sinh năm: 1962
Địa chỉ: Thôn 4 Tân Sơn, Thành Kim, Thạch Thành, Thanh Hoá.
2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1964
Địa chỉ: Thôn 3, Lộc Bảo, Bảo Lâm, Lâm Đồng.
Tại phiên toà có mặt chị C vắng mặt anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2016, trong bản tự khai ngày 19/01/2017 cũng như tại phiên tòa, chị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/1988 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây được viết tắt là UBND) xã Thạch Bình, Thạch Thành, Thanh Hóa. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không chung thủy mà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian kéo dài khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh Q đó đi làm ăn xa từ năm 2004 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/5/1988 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/11/1996. Hiện cả hai cháu đều đã trưởng thành, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2017 anh Q trình bày: Anh và chị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/1988 tại UBND xã Thạch Bình, Thạch Thành, Thanh Hóa.

Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyờn nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh và chị C đã nhiều lần nói chuyện với nhau để mong hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hòa hợp được. Anh đã đi làm ăn xa và vợ chồng đó ly thân từ năm 2004 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị C.

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/5/1988 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/11/1996. Hiện cả hai cháu đều đã trưởng thành, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, HĐXX nhận định:

Chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn Q đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây được viết tắt là BLTTDS).

Tòa án cũng đã triệu tập anh Q đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Q vẫn không có mặt, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

[2] HĐXX nhận thấy:

1.Về hôn nhân: Chị Lưu Thị C và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Bình, Thạch Thành, Thanh Hóa ngày 28/9/1988 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thời gian kéo dài khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Anh Q đó đi làm ăn xa từ năm 2004 đến nay không về và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này chị C và anh Q đều công nhận và đó được các cấp chính quyền xã Thành Kim xác nhận, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đó đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị C và anh Q đều đề nghị được ly hôn, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị C được ly hôn anh Q.

2.Về con cái: Chị C và anh Q công nhận, vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/5/1988 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 20/11/1996. Hiện cả

hai cháu đều đã trưởng thành, chị C và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

3.Về tài sản: Chị C và anh Q không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4.Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về án phí: Chị Lưu Thị C chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị C đó nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2013/04054 ngày 19/01/2017. Chị C đó nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị C vắng mặt anh Q. Chị C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Anh Đức

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã TB;
- Lưu.